

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁP MƯỜI  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DS-ST  
Ngày: 02-6-2021  
“V/v tranh chấp dân sự về hợp  
đồng đặt cọc”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI,  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Phường;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thúy;
2. Ông Lê Văn Vững;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Quốc Thái - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Lợi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05, 26 tháng 5 và ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 643/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020, về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng đặt cọc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Phan Minh Th**, sinh năm 1970;  
Địa chỉ: khóm B, thị trấn MA, huyện TM, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Th: Anh **Nguyễn Việt P**, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp 5, xã ĐBK, huyện TM, Đồng Tháp. Theo văn bản ủy quyền ngày 13/10/2020.

2. Bị đơn:

Anh **Trần Anh T**, sinh năm 1975;  
Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1975;  
Địa chỉ: ấp C, xã TL, huyện TM, Đồng Tháp.

(Anh P có mặt tại phiên tòa,  
Anh T và chị L vắng mặt không có lý do chính đáng)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Việt P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phan Minh Th trình bày:*

Anh Th vừa làm nghề mua lúa, vừa làm cò lúa, còn anh T làm nghề cò lúa nên cả hai quen biết nhau và đã nhiều lần làm ăn mua bán lúa với nhau, cụ thể vào khoảng tháng 09-10/2019 (không nhớ ngày cụ thể), hai bên thỏa thuận miệng là anh T sẽ bán cho Th với số lượng từ 1.600 công đến 1.700 công, giá thì theo thời điểm thu hoạch lúa, đặt cọc trước mỗi công là 200.000 đồng, khi cân lúa sẽ trừ tiền cọc này vào tiền mua lúa và thời gian vào khoảng tháng 02/2020 (âm lịch) phía anh Th sẽ vào cân lúa. Đồng thời, sau khi thỏa thuận xong thì anh Th đã nhiều lần (không nhớ cụ thể bao nhiêu lần) đưa tiền cho anh T để đặt cọc mua lúa với tổng số tiền là 336.000.000 đồng, việc đưa tiền này hai bên cũng không có làm giấy tờ gì. Khi đến hẹn cân lúa, phía anh Th vào cân lúa thì anh T có lần giao lúa đủ, có lần giao không đủ và cũng có lần không có lúa để giao. Đến ngày 06/02/2020 (âm lịch), hai bên ngồi lại thì anh T thừa nhận còn nợ anh Th số tiền đặt cọc mua lúa tổng cộng 220.000.000 đồng và cam kết mỗi vụ lúa (03 tháng) sẽ trả 20.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ. Tuy nhiên, đến nay phía anh T cũng không trả được cho anh Th khoản tiền nào. Đối với toàn bộ chữ viết, chữ viết ghi họ và tên Trần Anh T trong biên nhận ngày 06/02/2020 là của anh Th, còn chữ ký “T” là của anh T. Từ khi hai bên thỏa thuận mua bán, đặt cọc, giao tiền và khi viết biên nhận thì chỉ có anh Th và anh T thực hiện với nhau, không có chị L. Sau khi hai bên chốt nợ xong do anh T không có trả tiền như cam kết nên anh Th có vào nhà đòi nợ thì có gặp chị L nên chị L biết việc anh T còn nợ anh Th số tiền trên từ khi đó. Đối với chị L thì anh Th không có chứng cứ gì chứng minh chị L có liên quan đến số nợ trên.

Theo đơn khởi kiện anh Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T và chị L phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh Th số tiền nợ đặt cọc mua lúa là 220.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm thì anh Th xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là nay anh Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Th số tiền nợ đặt cọc mua lúa là 220.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Đối với phần yêu cầu chị L cùng liên đới với anh T trả lại cho anh Th số tiền nợ đặt cọc mua lúa là 220.000.000 đồng thì nay anh Th xin rút lại yêu cầu này. Đồng thời, anh Th chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền đặt cọc trên không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng mua bán lúa giữa hai bên. Ngoài ra, anh Th không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

\* Bị đơn anh T và chị L mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì.

*\* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười:*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi

thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ, nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 328 của Bộ luật dân sự, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu của anh Th về việc yêu cầu chị L liên đới cùng anh Tuấn trả 220.000.000 đồng cho anh Th, do anh Th rút yêu cầu.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Th về việc yêu cầu anh T trả số tiền 220.000.000 đồng. Buộc anh T phải trả lại cho anh Th số tiền là 220.000.000 đồng.

*\* Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

- + Giấy CMND và sổ hộ khẩu (bản photo);
- + Biên nhận ghi ngày 06/02/2020 (bản chính);
- + Văn bản ủy quyền ghi ngày 13/10/2020.

- Bị đơn không có nộp tài liệu chứng cứ gì.

Các tài liệu trong hồ sơ đã được công khai theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 23 tháng 02 năm 2021.

*\* Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do Tòa án thu thập gồm:*

- Xác nhận của Công an xã Thanh Lợi, huyện Tháp Mười;
- Biên bản lấy lời khai đương sự.

*\* Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất: Không.*

*\* Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất: Toàn bộ vụ án.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Th số tiền nợ đặt cọc mua lúa là 220.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng đặt cọc theo quy định tại Điều 328 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp C, xã TL, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 235/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Tòa án thì Hội thẩm nhân dân là ông Đào Văn Hiến và ông Lê Văn Vững, Thư ký phiên tòa bà Nguyễn Thị Bích Vân. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do ông Hiến và bà Vân bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa thay thế bằng bà Nguyễn Thị Thúy là Hội thẩm nhân dân dự khuyết và ông Hồ Quốc Thái là Thư ký Tòa án. Đương sự có mặt thống nhất đồng ý việc thay đổi này. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh T và chị L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T và chị L.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Th cho rằng vào khoảng tháng 09-10/2019 dương lịch (không nhớ ngày cụ thể), hai bên thỏa thuận miệng là anh T sẽ bán lúa cho Th với số lượng từ 1.600 công đến 1.700 công, giá thì theo thời điểm thu hoạch lúa, đặt cọc trước mỗi công là 200.000 đồng, khi cân lúa sẽ trừ tiền cọc này vào tiền mua lúa và thời gian vào khoảng tháng 02/2020 (âm lịch) phía anh Th sẽ vào cân lúa. Đồng thời, sau khi thỏa thuận xong thì anh Th đã nhiều lần (không nhớ cụ thể bao nhiêu lần) đưa tiền cho anh T để đặt cọc mua lúa với tổng số tiền là 336.000.000 đồng, việc đưa tiền này hai bên cũng không có làm giấy tờ gì. Khi đến hạn cân lúa, phía anh Th vào cân lúa thì anh T có lần giao lúa đủ, có lần giao không đủ và cũng có lần không có lúa để giao. Đến ngày 06/02/2020 (âm lịch), hai bên ngồi lại thì anh T thừa nhận còn nợ anh Th số tiền đặt cọc mua lúa tổng cộng 220.000.000 đồng và cam kết mỗi vụ lúa (03 tháng) sẽ trả 20.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ. Tuy nhiên, đến nay anh T vẫn chưa trả số tiền trên cho anh Th. Xét lời trình bày trên của phía nguyên đơn là có cơ sở và việc anh Th có đặt cọc cho anh T để mua lúa là có thật, hợp đồng đặt cọc trên đã được giao kết và thực hiện, thể hiện qua “Biên nhận ngày 06 tháng 02 năm 2020 (âm lịch)”. Hai bên thỏa thuận (miệng) đặt cọc mỗi công là 200.000 đồng để bảo đảm cho việc thực hiện hợp đồng mua bán lúa và phía anh Th đã giao cho anh T tổng số tiền đặt cọc là 336.000.000 đồng. Khi đến hạn hai bên thực hiện mua bán thì phía anh T đã không giao đủ lúa như đã thỏa thuận với anh Th là đã vi phạm nghĩa vụ của bên bán. Trong vụ án này, phía anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng mua bán lúa và phía anh T, chị L cũng không có yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết hợp đồng mua bán lúa trên. Tuy nhiên, hợp đồng đặt cọc này là để bảo đảm khi hai bên thực hiện hợp đồng mua bán lúa trên, do anh T là người đã vi phạm (như phân tích trên) nên anh T phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Thành số tiền đặt cọc đã nhận cụ thể. Sau khi trừ tiền cọc vào số lượng lúa anh Th thực tế đã nhận thì anh T còn nợ anh Th số tiền đặt cọc là 220.000.000 đồng.

Đồng thời, trong vụ án này thì như phân tích phần trên lỗi thuộc về phía anh T. Tuy nhiên, phía anh Th không có yêu cầu anh T bồi thường tiền cọc, cũng không yêu cầu gì khác chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T trả lại số tiền cọc đã nhận còn lại là 220.000.000 đồng, ngoài ra không còn yêu cầu gì khác. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Đối với anh T và chị L mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến đồng ý hay phản đối gì đối với lời trình bày và yêu cầu của phía nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Theo đơn khởi kiện thì anh Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T và chị L phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh Th số tiền nợ đặt cọc là 220.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm thì phía anh Th xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là nay anh Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Th số tiền nợ đặt cọc mua lúa là 220.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và đối với phần yêu cầu chị L cùng liên đới với anh T trả lại cho anh Th số tiền nợ đặt cọc mua lúa là 220.000.000 đồng thì nay anh Th xin rút lại yêu cầu này. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật và theo hướng có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu chị L cùng liên đới với anh T trả lại cho anh Th số tiền nợ đặt cọc mua lúa là 220.000.000 đồng.

[6] Tại phiên không tiến hành hòa giải được và phiên tòa sơ thẩm thì đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[7] Xét thấy:

- Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ, nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

- Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu của anh Th về việc yêu cầu chị L liên đới cùng anh T trả 220.000.000 đồng cho anh Th, do anh Th rút yêu cầu. Đồng thời, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Th về việc yêu cầu anh T trả số tiền 220.000.000 đồng. Buộc anh T phải trả lại cho anh Th số tiền là 220.000.000 đồng. Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí:

- Anh Th không phải chịu tiền án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 328 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Đình chỉ xét xử một phần vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của anh Phan Minh Th về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị L cùng liên đới với anh Trần Anh T trả lại cho anh Phan Minh Th số tiền nợ đặt cọc mua lúa là 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Minh Th.

- Buộc anh Trần Anh T phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Phan Minh Th số tiền nợ đặt cọc mua lúa là 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí:

- Anh Phan Minh Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh Th 5.500.000 đồng (Năm triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0011316, ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Trần Anh T phải chịu 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKS huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Thái).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Minh Phường**